**Phụ lục II**

**KHUNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN**

(*Kèm theo Công văn số /SGDĐT-GDTrH ngày tháng năm 2021 của Sở GDĐT*)

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG: THCS Nguyễn Du**  **TỔ: Toán Tin**  Họ và tên giáo viên: Dương Vũ Tường Vy | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN**

**MÔN HỌC: TOÁN - LỚP: 8**

(Năm học 2023 - 2024 )

**I. Kế hoạch dạy học**

**1. Phân phối chương trình theo tùng mạch kiến thức**

**a. Số và Đại số**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Bài học  (1) | Số tiết  (2) | Thời điểm  (3) | Thiết bị dạy học  (4) | Địa điểm dạy học  (5) |
|  | **Chương I. ĐA THỨC – 14 TIẾT** | **14** |  |  |  |
| 1 | Bài 1. Đơn thức | 2 | Tuần 1 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | Lớp học |
| 2 | Bài 2. Đa thức | 2 | Tuần 1 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | Lớp học |
| 3 | Bài 3. Phép cộng và phép trừ đa thức | 1 | Tuần 3 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | Lớp học |
| 4 | Luyện tập chung | 2 | Tuần 3-4 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | Lớp học |
| 5 | Bài 4. Phép nhân đa thức | 2 | Tuần 4-5 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | Lớp học |
| 6 | Bài 5. Phép chia đa thức cho đơn thức | 1 | Tuần 5 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | Lớp học |
| 7 | Luyện tập chung | 2 | Tuần 6 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | Lớp học |
| 8 | Bài tập cuối chương I | 1 | Tuần 7 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | Lớp học |
| 9 | Ôn tập giữa học kì I | 1 | Tuần 7 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | Lớp học |
|  | **Chương II. HẰNG ĐẲNG THỨC ĐÁNG NHỚ VÀ ỨNG DỤNG – 13 TIẾT** | **13** |  |  |  |
| 10 | Bài 6. Hiệu hai bình phương. Bình phương của một tổng hay một hiệu | 2 | Tuần 9 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | Lớp học |
| 11 | Bài 7. Lập phương của một tổng hay một hiệu | 2 | Tuần 10 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | Lớp học |
| 12 | Bài 8. Tổng và hiệu hai lập hương | 2 | Tuần 11 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | Lớp học |
| 13 | Luyện tập chung | 2 | Tuần 12 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | Lớp học |
| 14 | Bài 9. Phân tích đa thức thành nhân tử | 2 | Tuần 13 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | Lớp học |
| 15 | Luyện tập chung | 2 | Tuần 14 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | Lớp học |
| 16 | Bài tập cuối chương II | 1 | Tuần 15 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | Lớp học |
|  | **Chương VI. PHÂN THỨC ĐẠI SỐ - 15 TIẾT** | **15** |  |  |  |
| 17 | Bài 21. Phân thức đại số | 1 | Tuần 19 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | Lớp học |
| 18 | Bài 22. Tính chất cơ bản của phân thức đại số | 3 | Tuần19-20 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | Lớp học |
| 19 | Luyện tập chung **13** | 2 | Tuần 21 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | Lớp học |
| 20 | Bài 23. Phép cộng và phép trừ phân thức đại số | 3 | Tuần 22-23 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | Lớp học |
| 21 | Bài 24. Phép nhân và phép chia phân thức đại số | 2 | Tuần 23-24 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | Lớp học |
| 22 | Luyện tập chung | 2 | Tuần 24-25 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | Lớp học |
| 23 | Bài tập cuối chương VI | 1 | Tuần 25 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | Lớp học |
| 24 | Ôn tập giữa học kì II | 1 | Tuần 26 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | Lớp học |
|  | **Chương VII. PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT VÀ HÀM SỐ BẬC NHẤT – 147TIẾT** | **17** |  |  |  |
| 25 | Bài 25. Phương trình bậc nhất một ẩn | 2 | Tuần 27 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | Lớp học |
| 26 | Bài 26. Giải bài toán bằng cách lập phương trình | 2 | Tuần 28 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | Lớp học |
| 27 | Luyện tập chung | 2 | Tuần 29 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | Lớp học |
| 28 | Bài 27. Khái niệm hàm số và đồ thị của hàm số | 2 | Tuần 30 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | Lớp học |
| 29 | Bài 28. Hàm số bậc nhất và đồ thị của hàm số bậc nhất | 2 | Tuần 31 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | Lớp học |
| 31 | Bài 29. Hệ số góc của đường thẳng | 1 | Tuần 32 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | Lớp học |
| 32 | Luyện tập chung | 2 | Tuần 32-33 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | Lớp học |
| 33 | Bài tập cuối chương VII | 1 | Tuần 33 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | Lớp học |
|  | Ôn tập học kì 2 | 3 | Tuần 34-35 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | Lớp học |

**b. Hình học và đo lường**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Bài học  (1) | | Số tiết  (2) | Thời điểm  (3) | Thiết bị dạy học  (4) | | Địa điểm dạy học  (5) | |
|  | **Chương III. TỨ GIÁC – 16 TIẾT** | | **16** |  |  | |  | |
| 34 | Bài 10. Tứ giác | | 1 | Tuần 1 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | | Lớp học | |
| 35 | Bài 11. Hình thang cân | | 2 | Tuần 1-2 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | | Lớp học | |
| 36 | Luyện tập chung | | 1 | Tuần 2 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | | Lớp học | |
| 37 | Bài 12. Hình bình hành | | 2 | Tuần 3 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | | Lớp học | |
| 38 | Luyện tập chung | | 2 | Tuần 4 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | | Lớp học | |
| 39 | Bài 13. Hình chữ nhật | | 2 | Tuần 5 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | | Lớp học | |
| 40 | Bài 14. Hình thoi và hình vuông | | 2 | Tuần 6 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | | Lớp học | |
| 41 | Luyện tập chung | | 2 | Tuần 7 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | | Lớp học | |
| 42 | Bài tập cuối chương III | | 1 | Tuần 8 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | | Lớp học | |
| 43 | Ôn tập giữa học kì I | | 1 | Tuần 8 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | | Lớp học | |
|  | **CHƯƠNG IV. ĐỊNH LÍ THALÈS – 8 TIẾT** | | **8** |  |  | |  | |
| 44 | Bài 15. Định lí Thalès trong tam giác | | 3 | Tuần 9-10 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | | Lớp học | |
| 45 | Bài 16. Đường trung bình của tam giác | | 1 | Tuần 10 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | | Lớp học | |
| 46 | Bài 17. Tính chất đường phân giác của tam giác | | 1 | Tuần 11 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | | Lớp học | |
| 47 | Luyện tập chung | | 2 | Tuần 11-12 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | | Lớp học | |
| 48 | Bài tập cuối chương IV | | 1 | Tuần 12 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | | Lớp học | |
|  | **Chương IX. TAM GIÁC ĐỒNG DẠNG – 15 TIẾT** | | **15** |  |  | |  | |
| 49 | Bài 33. Hai tam giác đồng dạng | | 1 | Tuần 19 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | | Lớp học | |
| 50 | Bài 34. Ba trường hợp đồng dạng của hai tam giác | | 3 | Tuần19 -20 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | | Lớp học | |
| 51 | Luyện tập chung | | 2 | Tuần 21 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | | Lớp học | |
| 52 | Bài 35. Định lí Pythagore và ứng dụng | | 2 | Tuần 22 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | | Lớp học | |
| 53 | Bài 36. Các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vuông | | 2 | Tuần 23 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | | Lớp học | |
| 54 | Bài 37. Hình đồng dạng | | 1 | Tuần 24 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | | Lớp học | |
| 55 | Luyện tập chung | | 2 | Tuần 24-25 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | | Lớp học | |
| 56 | Bài tập cuối chương IX | | 1 | Tuần 25 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | | Lớp học | |
| 57 | Ôn tập giữa học kì II | | 1 | Tuần 26 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | | Lớp học | |
|  | **Chương X. MỘT SỐ HÌNH KHỐI TRONG THỰC TIỄN – 6 TIẾT** | | **6** |  |  | |  | |
| 58 | Bài 38. Hình chóp tam giác đều | | 2 | Tuần 27 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | | Lớp học | |
| 59 | Bài 39. Hình chóp tứ giác đều | | 2 | Tuần 28 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | | Lớp học | |
| 60 | Luyện tập chung | | 1 | Tuần 29 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | | Lớp học | |
| 61 | Bài tập cuối chương X | | 1 | Tuần 29 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | | Lớp học | |
| **c. Xác suất và thống kê** | |  | | | |  | | |
|  | **Chương V. DỮ LIỆU VÀ BIỂU ĐỒ - 9 TIẾT** | | **9** |  |  | | |  |
| 62 | Bài 18. Thu thập và phân loại dữ liệu | | 1 | Tuần 13 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | | | Lớp học |
| 63 | Bài 19. Biểu diễn dữ liệu bằng bảng, biểu đồ | | 2 | Tuần 13-14 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | | | Lớp học |
| 64 | Bài 20. Phân tích số liệu thống kê dựa vào biểu đồ | | 2 | Tuần 14-15 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | | | Lớp học |
| 65 | Luyện tập chung | | 2 | Tuần 15-16 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | | | Lớp học |
| 66 | Bài tập cuối chương V | | 1 | Tuần 32 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | | | Lớp học |
| 67 | Ôn tập học kì I | | 1 | Tuần 18 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | | | Lớp học |
|  | **Chương VIII: MỞ ĐÀU VỀ TÍNH XÁC SUẤT CỦA BIẾN CỐ - 7 TIẾT** | | **7** |  |  | | |  |
| 68 | Bài 30: Kết quả có thể và kết quả thuận lợi | | 1 | Tuần 30 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | | | Lớp học |
| 69 | Bài 31: Cách tính xác suất của biến cố bằng tỉ số | | 2 | Tuần 30-31 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | | | Lớp học |
| 70 | Bài 32: Mối lien hệ giũa xác suất thực nghiệm với xác suất và ứng dụng | | 2 | Tuần 31-32 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | | | Lớp học |
| 71 | Luyện tập chung | | 1 | Tuần 32 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | | | Lớp học |
| 72 | Bài tập cuối chương VIII | | 1 | Tuần 33 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | | | Lớp học |

**d. Hoạt động thực hành trải nghiệm**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Hoạt động thực hành trải nghiệm – 10 Tiết + 2 tiết ôn tập** | **12** |  |  |  |
|  | Chủ đề: Công thức tính lãi kép | 1 | Tuần 15 | Dụng cụ thực hành | Phòng tin |
| 73 | Chủ đề: Tính toán trên đa thức với phần mềm Geogebra | 1 | Tuần 15 | Dụng cụ thực hành | Phòng tin |
| 74 | Chủ đề: Vẽ hình đơn giản với phần mềm Geogebra | 2 | Tuần 16-17 | Dụng cụ thực hành | Phòng tin |
| 75 | Chủ đề: Phân tích đặc điểm khí hậu VN | 2 | Tuần 17 | Dụng cụ thực hành | Lớp học |
| 76 | Ôn tập học kì I | 2 | Tuần 17-18 | Thước thẳng, bảng phụ ghi nội dung bài tập hoặc máy chiếu | Lớp học |
| 77 | Chủ đề: Một vài ứng dụng của hàm số bậc nhất trong tài chính | 1 | Tuần 33 | Dụng cụ thực hành | Lớp học |
| 78 | Chủ đề:Ứng dụng định lí Thales, định lí Pythagore và tam giác đồng dạng để đo chiều cao | 1 | Tuần 34 | Dụng cụ thực hành | Sân trường |
| 79 | Chủ đề: Thực hiện tính toán trên phân thức đại số và vẽ đồ thị với phần mềm Geogebra | 1 | Tuần 34 | Dụng cụ thực hành | Phòng tin |
| 80 | Chủ đề: Mô tả thí nghiệm ngẫu nhiên với phần mềm Exel | 1 | Tuần 34 | Dụng cụ thực hành | Phòng tin |

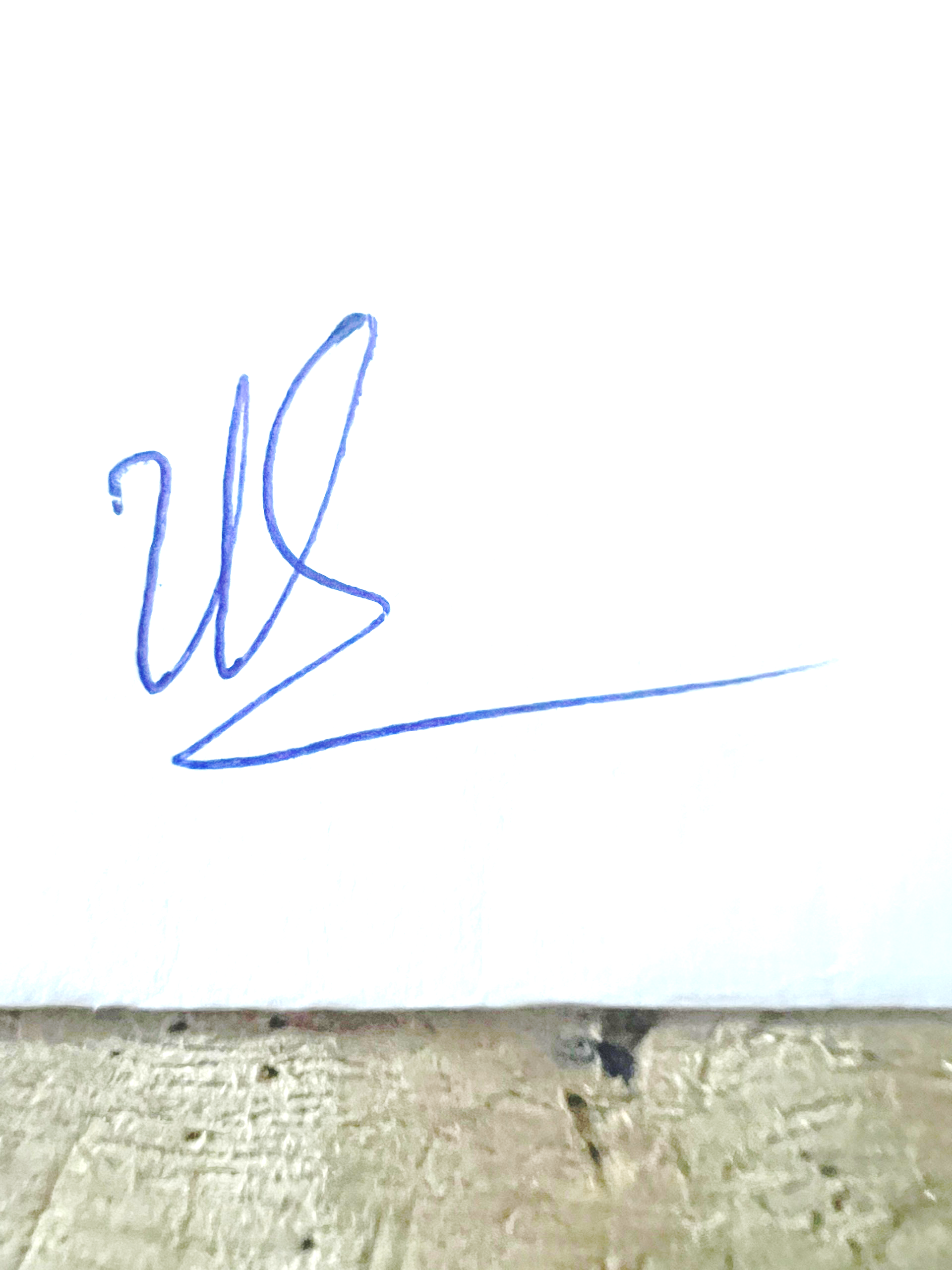
**2. Kiểm tra giữa kì và cuối kì**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **KIỂM TRA ĐỊNH KÌ – 8 TIẾT** | | **8** |  |  | |  |
| 1 | Kiểm tra giũa kì I | 2 | | Tuần 8 | | - MTBT; thước  - Các dụng cụ khác | Lớp học |
| 2 | Kiểm tra cuối kì I | 2 | | Tuần 18 | | - MTBT; thước  - Các dụng cụ khác | Lớp học |
| 3 | Kiểm tra giũa kì II | 2 | | Tuần 26 | | - MTBT; thước  - Các dụng cụ khác | Lớp học |
| 4 | Kiểm tra cuối kì 1 | 2 | | Tuần 35 | | - MTBT; thước  - Các dụng cụ khác | Lớp học |

**II. Nhiệm vụ khác (nếu có):** *(Bồi dưỡng học sinh giỏi; Tổ chức hoạt động giáo dục...)*

**-**Bồi dưỡng ……………………………………………………………………………………………………………………………………..

**-** Phụ đạo ……………………………………………………………………………………………………… ……………………………….

**TỔ TRƯỞNG** *Đại Lộc, ngày 24 tháng 8 năm 2023*

**GIÁO VIÊN**

**PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH TOÁN 8 – CHUNG CHO CÁC MẠCH KIẾN THỨC**

**HỌC KỲ 1**

**(18 tuần x 4 tiết/tuần = 72 tiết)**

**Số và đại số: 26 tiết Hình học và đo lường: 23 tiết**

**Thống kê và xác suất: 8 tiết Thực hành và trải nghiệm: 6 tiết**

**Ôn tập, kiểm tra giữa kỳ: 4 tiết Ôn tập, kiểm tra cuối kỳ: 5 tiết**

| **MẠCH SỐ VÀ ĐẠI SỐ - XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ** | | | | **MẠCH HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG** | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Tiết** | **Tên bài** | **Yêu cầu cần đạt** | **Tuần** | **Tiết** | **Tên bài** | | **Yêu cầu cần đạt** |
| 1 | 1,2 | Bài 1. Đơn thức | - Nhận biết đơn thức, đơn thức thu gọn, hệ số, phần biến và bậc của đơng thức.  - Thu gọn đơn thức, nhận biết đơn thức đồng dạng, cộng và trừ hai đơn thức đồng dạng. | 1 | 1 | Bài 10. Tứ giác lồi | | - Mô tả khái niệm tứ giác, tứ giác lồi, giải thích định lí về tổng các góc trong một tứ giác lồi. |
| 2 | Bài 11. Hình thang cân (t1) | | - Mô tả khái niệm hình thang, hình thang cân và các yếu tố của chúng, giải thích các tính chất về góc kề một đáy, cạnh bên và đường chéo của hình thang cân.  - Nhận biết dấu hiệu để một hình thang là hình thang cân. |
| 2 | 3,4 | Bài 2. Đa thức | - Nhận biết các khái niệm: đa thức, hạng tử của đa thức, đa thức thu gọn và bậc của đa thức  - Thu gọn đa thức, tính giá trị đa thức khi biết giá trị của biến | 2 | 3 | Bài 11. Hình thang cân (t2) | |
| 4 | Luyện tập chung | | - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 10 đến bài 11  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn |
| 3 | 5 | Bài 3. Phép cộng và phép trừ đa thức | - Thực hiện các phép tính cộng trừ đa thức | 3 | 5 | Bài 12. Hình bình hành (t1) | | - Mô tả khái niệm hình bình hành, giải thích các tính chất của hình bình hành.  - Nhận biết dấu hiệu để một tứ giác là hình bình hành |
| 6 | Luyện tập chung (t1) | - Thu gọn đa thức, tính giá trị đa thức khi biết giá trị của biến  - Thực hiện các phép tính cộng trừ đa thức. | 6 | Bài 12. Hình bình hành (t2) | |
| 4 | 7 | Luyện tập chung (t2) | 4 | 7 | Luyện tập chung  (t1) | | - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học trong bài 12  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn |
| 8 | Bài 4. Phép nhân đa thức (t1) | - Thực hiện phép tính nhân đơn thức với đa thức và nhân đa thức với đa thức  - Biến đổi, thu gọn biểu thức đại số có sử dụng phép nhân đa thức | 8 | Luyện tập chung  (t2) | | - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học trong bài 12  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn |
| 5 | 9 | Bài 4. Phép nhân đa thức (t2) | 5 | 9 | Bài 13. Hình chữ nhật (t1) | | - Mô tả khái niệm hình chữ nhật, giải thích tính chất hai đường chéo của hình chữ nhật.  - Nhận biết dâu hiệu để một hình bình hành là hình chữ nhật |
| 10 | Bài 5. Phép chia đa thức cho đơn thức | - Chia đơn thức cho đơn thức (trường hợp chia hết)  - Chia đa thức cho đơn thức ( trường hợp chia hết) | 10 | Bài 13. Hình chữ nhật (t2) | | - Mô tả khái niệm hình chữ nhật, giải thích tính chất hai đường chéo của hình chữ nhật.  - Nhận biết dâu hiệu để một hình bình hành là hình chữ nhật |
| 6 | 11,12 | Luyện tập chung | - Biến đổi, thu gọn biểu thức đại số có sử dụng phép nhân đa thức  - Chia đa thức cho đơn thức ( trường hợp chia hết) | 6 | 11,12 | Bài 14. Hình thoi và hình vuông. | | - Mô tả khái niệm hình thoi và hình vuông, giải thích các tính chất của hình thoi và hình vuông  - Nhận biết dâu hiệu để một hình là hinh thoi, hình vuông |
| 7 | 13 | Bài tập cuối chương I | - Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương.  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn | 7 | 13,14 | Luyện tập chung | | - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 13 đến bài 14  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn |
| 14 | **Ôn tập giữa kỳ 1** | -Ôn tập các kiến thức đã học |
| 8 | **15** | **Kiểm tra giữa kỳ I** | – Kiểm tra, đánh giá mức mộ nhận thức về các kiến thức đã | 8 | 15 | Ôn tập chương III | | - Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương.  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn |
| **16** | **Kiểm tra giữa kỳ I** |  | 16 | **Ôn tập giữa kỳ 1** | | -Ôn tập các kiến thức đã học |
| 9 | 17,18 | Bài 6. Mở đầu về hằng đẳng thức.Hiệu hai bình phương, Bình phương của một tổng hay một hiệu | - Nhận biết hằng đẳng thức ,mô tả hằng đẳng thức hiệu hai binh phương, bình phương của một tổng, bình phương của một hiệu  - Vận dụng ba hằng đẳng thức này để tính nhanh, rút gọn biểu thức | 9 | 17,18 | Bài 15. Định lí Thalès trong tam giác (t1,2) | | - Định lí Thales trong tam giác ( thuận và đảo)  - Tính độ dài đoạn thẳng bằng cách sử dụng định lí Thalès, giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với việc vận dụng định lí Thales. |
| 10 | 19,20 | Bài 7. Lập phương của một tổng hay một hiệu | - Mô tả các hằng đẳng thức : lập phương của một tổng và lập phương của một hiệu  - Vận dụng hai hằng đẳng thức này để khai triển, rút gọn biểu thức | 10 | 19 | Bài 15. Định lí Thalès trong tam giác (t3) | |
| 20 | Bài 16. Đường trung bình của tam giác | | - Mô tả định nghĩa đường trung bình của tam giác.  - Giải thích tính chất đường trung bình của tam giác. |
| 11 | 21,22 | Bài 8 Tổng và hiệu hai lập phương | - Mô tả các hằng đăng thức : tổng, hiệu hai lập phương  - Vận dụng hai hằng đẳng thức này để rút gọn biểu thức hay viết biểu thức dưới dạng tích | 11 | 21 | Bài 17. Tính chất đường phân giác của tam giác | | - Giải thích tính chất đường phân giác trong của tam giác.  - Sử dụng tính chất đường phân giác trong của tam giác để tính độ dài đoạn thẳng và tỉ số của hai đoạn thẳng. |
| 22 | Luyện tập chung (t1) | | - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 15 đến bài 17  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn |
| 12 | 23,24 | Luyện tập chung | - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 6 đến bài 8.  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn | 12 | 23 | Luyện tập chung (t2) | | - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 15 đến bài 17  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn |
| 24 | Bài tập cuối chương IV | | - Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương.  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn |
|  | | | | **XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ** | | | | |
| 13 | 25,26 | Bài 9 Phân tích đa thức thành nhân tử | - Nhận biết phân tích đa thức thành nhân tử; mô tả ba cách phân tích đa thức thành nhân tử: Đặt nhân tử chung; Nhóm các hạng tử; Sử dụng hằng đẳng thức. | 13 | 25 | Bài 18. Thu thập và phân loại dữ liệu | - Thực hiện và li giải việc thu nhập dữ liệu.  - Phân loại số liệu rời rạc, số liệu liên tục | |
| 26 | Bài 19. Biểu diễn dữ liệu bằng bảng, biểu đồ (t1) | - Chuyển dữ liệu từ dạng biểu diễn này sang dạng biểu diễn khác  - Lựa chọn biểu đồ phù hợp với dữ liệu cho trước | |
| 14 | 27,28 | Luyện tập chung | - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học trong bài 9.  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn | 14 | 27 | Bài 19. Biểu diễn dữ liệu bằng bảng, biểu đồ (t2) |
| 28 | Bài 20. Phân tích số liệu thống kê dựa vào biểu đồ (t1) | - Phát hiện và giải quyết được vấn đề, quy luật đơn giản dựa trên phân tích số liệu, nhận ra tính hợp lí của dữ liệu được biểu diễn  - Nhận biết mối liên hệ giữa thống kê với những kiến thức trong các môn học khác trong Chương trinh lớp 8 | |
| 15 | 29 | Bài tập cuối chương II | - Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương.  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn | 15 | 29 | Bài 20. Phân tích số liệu thống kê dựa vào biểu đồ (t2) |
| **HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH TRẢI NGHIỆM** | | | | 30 | Luyện tập chung (t1) | - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 18 đến bài 20  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải qu  yết các vấn đề thực tiễn | |
| 15 | 30 | Công thức lãi kép | - Sử dụng công thức lãi kép để tính số tiền thu được (cả vốn lẫn lãi ) sau N kì gửi tiết kiệm |
| 16 | 31 | Thực hiện tính toán trên đa thức với phần mềm GeoGebra | - Sử dụng phần mềm GeoGebra để tính toán các phép tính trên đa thức | 16 | 31 | Luyện tập chung (t2) | - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 18 đến bài 20  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn | |
| 32 | Vẽ hình đơn giản với phần mềm GeoGebra (t1) | - Sử dụng phân mềm GeoGbra để vẽ hình chữ nhật, hình bình hàn , hình thang | 32 | Bài tập cuối chương V | - Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương.  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn | |
| 17 | 33 | Vẽ hình đơn giản với phần mềm GeoGebra (t2) | - Sử dụng phân mềm GeoGbra để vẽ hình chữ nhật, hình bình hàn , hình thang | 17 | 33,34 | Phân tích đặc điểm khí hậu Việt Nam | - Phân tích một số đặc điểm của khí hậu Việt Nam | |
| **34** | **Ôn tập cuối kỳ 1** | Ôn tập các kiến thức đã học |
| 18 | **35** | **Ôn tập cuối kỳ 1** | Ôn tập các kiến thức đã học | 18 | **35** | **Ôn tập cuối kỳ 1** | Ôn tập các kiến thức đã học | |
| 18 | 36 | **Kiểm tra học kì 1** | – Kiểm tra, đánh giá mức mộ nhận thức về các kiến thức đã học trong học kì I  – Thực hiện được các kĩ năng cơ bản trong học kì I  – Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn | 18 | **36** | **Kiểm tra học kì 1** | – Kiểm tra, đánh giá mức mộ nhận thức về các kiến thức đã học trong học kì I  – Thực hiện được các kĩ năng cơ bản trong học kì I  – Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn | |

**PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH TOÁN 8 – HỌC KỲ 2**

**(17 tuần x 4 tiết/ tuần = 68 tiết)**

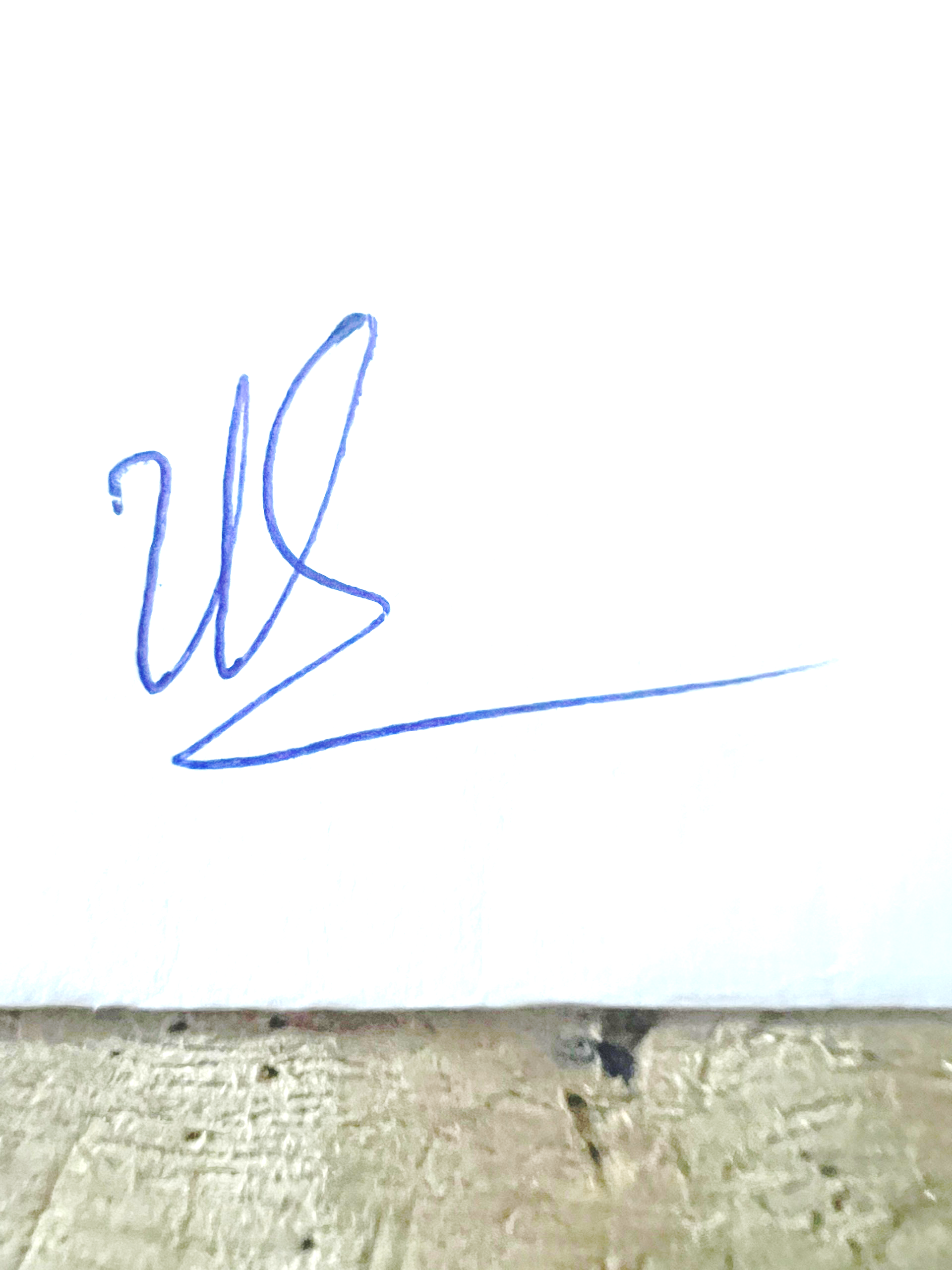
**Số và đại số: 28 tiết Hình học và đo lường: 20 tiết**

**Thống kê và xác suất: 7 tiết Thực hành và trải nghiệm: 4 tiết**

**Ôn tập, kiểm tra giữa kỳ: 4 tiết Ôn tập, kiểm tra cuối kỳ: 5 tiết**

| **MẠCH SỐ VÀ ĐẠI SỐ** | | | | **MẠCH HH VÀ ĐO LƯỜNG –XSTK -THTN** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Tiết** | **Tên bài** | **Yêu cầu cần đạt** | **Tuần** | **Tiết** | **Tên bài** | **Yêu cầu cần đạt** |
| 19 | 37 | Bài 21. Phân thức đại số | - Nhận biết phân thức đại số ,tử thức và mẫu thức của một phân thức.  - Viết điều kiện xác định của phân thức và tính giá trị của phân thức tại giá trị của biến thỏa mãn điều kiện xác định, nhận biết hai phân thức bằng nhau | 19 | 37 | Bài 33. Hai tam giác đồng dạng | - Nhận biết hai tam giác đồng dạng và giải thích các tính chất của chúng  - Giải thích định lí về trường hợp đồng dạng đặc biệt của hai tam giác |
| 38 | Bài 34. Ba trường hợp đồng dạng của hai tam giác (t1) | - Ba trường hợp đồng dạng của hai tam giác  - Áp dụng các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vào các vấn đề thực tiễn |
| 38 | Bài 22. Tính chất cơ bản của phân thức đại số (t1) | - Mô tả tính chất cơ bản của phân thức đại số, rút gọn phân thức đại số  - Biết quy đồng mẫu thức nhiều phân thức trong trường hợp thuận lợi |
| 20 | 39,40 | Bài 22. Tính chất cơ bản của phân thức đại số (t2,3) | 20 | 39,40 | Bài 34. Ba trường hợp đồng dạng của hai tam giác (t2,3) | - Ba trường hợp đồng dạng của hai tam giác  - Áp dụng các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vào các vấn đề thực tiễn |
| 21 | 41 | Luyện tập chung (t1) | - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 21 đến bài 22  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn | 21 | 41 | Luyện tập chung (t1) | - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 33 đến bài 34  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn |
| 42 | Luyện tập chung (t2) | - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 21 đến bài 22  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn | 42 | Luyện tập chung (t2) | - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 33 đến bài 34  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn |
| 22 | 43,44 | Bài 23. Phép cộng và phép trừ phân thức đại số (t1,2) | - Thực hiện phép cộng và phép trừ phân thức đại số  - Vận dụng các tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng phân thức và quy tắc dấu ngoặc với phân thức trong tính toán | 22 | 43 | Bài 35. Định lí Pythagore và ứng dụng (t1) | - Giải thích điịnh lí Pythagore; tính độ dài cạnh trong tam giác vuông bằng cách sử dụng định lí Pythagore |
| 44 | Bài 35. Định lí Pythagore và ứng dụng (t2) | - Giải thích điịnh lí Pythagore; tính độ dài cạnh trong tam giác vuông bằng cách sử dụng định lí Pythagore |
| 23 | 45 | Bài 23. Phép cộng và phép trừ phân thức đại số (t3) | 23 | 45 | Bài 36. Các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vuông. (t1) | - Giải thích các trường hợp đồng dạng của tam giác vuông  - Giải quyết vấn đề thực tiễn gắn với công việc vận dụng các tam giác vuông đồng dạng |
| 46 | Bài 24. Phép nhân và phép chia phân thức đại số (t1) | - Thực hiện phép nhân và phép chia hai phân thức đại số  - Vận dụng tính chất của phép nhân phân thức trong tính toán | 46 | Bài 36. Các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vuông. (t2) | - Giải thích các trường hợp đồng dạng của tam giác vuông  - Giải quyết vấn đề thực tiễn gắn với công việc vận dụng các tam giác vuông đồng dạng |
| 24 | 47 | Bài 24. Phép nhân và phép chia phân thức đại số (t2) | 24 | 47 | Bài 37. Hình đồng dạng | - Nhận biết hai hình đồng dạng; nhận biết hai hình đồng dạng phối cảnh  - Nhận biết được vẻ đẹp trong tự nhiên, nghệ thuật, kiến trúc, công nghệ chế tạo,… biểu hiện qua hình đồng dạng |
| 48 | Luyện tập chung (t1) | - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 23 đến bài 24  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn | 48 | Luyện tập chung(t1) | - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 35 đến bài 37  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn |
| 25 | 49 | Luyện tập chung (t2) | - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 23 đến bài 24  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn | 25 | 49  50 | Luyện tập chung(t2) | - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 35 đến bài 37  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn |
| Bài tập cuối chương IX | - Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương.  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn |
| 50 | Bài tập cuối chương VI | - Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương.  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn |
| 26 | **51** | **Ôn tập giữa kì 2** | -Ôn tập các kiến thức đã học | 26 | **51** | **Ôn tập giữa kì 2** | -Ôn tập các kiến thức đã học |
| **52** | **Kiểm tra giữa kì 2** | – Kiểm tra, đánh giá mức mộ nhận thức về các kiến thức đã học trong chương Phân thức đại số và Tam giác đồng dạng  – Thực hiện được các kĩ năng cơ bản trong chương Phân thức đại số và Tam giác đồng dạng  – Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn |  | **52** | **Kiểm tra giữa kì 2** | – Kiểm tra, đánh giá mức mộ nhận thức về các kiến thức đã học trong chương Phân thức đại số và Tam giác đồng dạng  – Thực hiện được các kĩ năng cơ bản trong chương Phân thức đại số và Tam giác đồng dạng  – Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn |
| 27 | 53,54 | Bài 25. Phương trình bậc nhất một ẩn | - Hiểu khái niệm phương trình bậc nhất một ẩn và cách giải.  - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với phương trình bậc nhất. | 27 | 53,54 | Bài 38. Hình chóp tam giác đều. | - Mô tả đỉnh, cạnh bên, mặt bên, mặt đáy của hình chóp tam giác đều; tạo lập hình chóp tam giác đều.  - Diện tích xung quanh và thể tích của hình chóp tam giác đều.  - Giải quyết một số vấn đề thực tế gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình chóp tam giác đều. |
| 28 | 55,56 | Bài 26. Giải bài toán bằng cách lập phương trình | - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với phương trình bậc nhất | 28 | 55,56 | Bài 39. Hình chóp tứ giác đều. | - Mô tả đỉnh, mặt đáy, mặt bên, cạnh bên của hình chóp tứ giác đều, tạo lập hình chóp tứ giác đều.  - Tính diện tích xung quanh và thể tích của hình chóp tứ giác đều, giải quyết một số vấn dề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình chóp tứ giác đều. |
| 29 | 57,58 | Luyện tập chung | - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 25 đến bài 26  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn | 29 | 57 | Luyện tập chung | - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 38 đến bài 39  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn |
| 58 | Bài tập cuối chương X | - Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương.  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn |
| 30 | 59,60 | Bài 27. Khái niệm hàm số và đồ thị của hàm số | - Nhận biết khái niệm thực tế dẫn đến khái niệm hàm số; tính giá trị của hàm số đó xác định bởi công thức.  - Xác định tọa độ của một điểm trên mặt phẳng tọa độ; xác định một điểm trên mặt phăng tọa độ khi biết tọa độ của nó; nhận biết đồ thị hàm số | 30 | 59 | Bài 30. Kết quả có thể và kết quả thuận lợi | - Xác định các kết quả có thể của hành động, thực nghiệm.  - Xác định các kết quả thuận lợi cho một biến cố liên quan tới hành động, thực nghiệm. |
| 60 | Bài 31. Cách tính xác suất của biến cố bằng tỉ số (t1) | - xác suất bằng tỉ số giữa số kết quả thuận lợi cho biến cố và số kết quả có thể trong trường hợp các kết quả có thể là đồng khả năng. |
| 31 | 61,62 | Bài 28. Hàm số bậc nhất và đồ thị của hàm số bậc nhất | - Thiết lập bảng giá trị của hàm số bậc nhất; vẽ đồ thị của hàm số bậc nhất.  - Vận dụng hàm số bậc nhất và đồ thị của hàm số bậc nhất vào giải quyết một số bài toán thực tiễn. | 31 | 61 | Bài 31. Cách tính xác suất của biến cố bằng tỉ số (t2) |
| 62 | Bài 32. Mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm với xác suất và ứng dụng (t1) | - Tính xác suất thực nghiệm trong một số ví dụ các tình huống thực tế.  - Ước lượng xác suất của một biến cố bằng xác suất thực nghiệm; ứng dụng trong một số bài toán đơn giản. |
| 32 | 63 | Bài 29. Hệ số góc của đường thẳng | - Nhận biết khái niệm hệ số góc của đường thẳng y=ax+b (a khác 0)  - Sử dụng hệ số góc của đường thẳng để nhận biết và giải thích sự cắt nhau hoặc song song của hai đường thẳng cho trước. | 32 | 63 | Bài 32. Mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm với xác suất và ứng dụng (t2) |
| 64 | Luyện tập chung | - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 30 đến bài 32  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn |
| 64 | Luyện tập chung(t1) | - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 27 đến bài 29  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn |
| 33 | 65 | Luyện tập chung(t2) | - Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 27 đến bài 29  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn | 33 | 65 | Bài tập cuối chương VIII | - Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương.  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn |
| 66 | Bài tập cuối chương VII | - Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương.  - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn | 66 | Một vài ứng dụng của hàm số bậc nhất trong tài chính. | - Giới thiệu một vài ứng dụng đơn giản của hàm số bậc nhất trong tài chính |
| 34 | 67,68 | **Ôn tập học kì 2(t1,2)** | Ôn tập các kiến thức đã học | 34 | 67 | Ứng dụng định lí Thalès, định lí Pythagore và tam giác đồng dạng để đo chiều cao, khoảng cách | - Ứng dụng định lí Thalès để đo chiều cao của ngọn cây (tòa nhà,tòa tháp)  - Ứng dụng định lí Pythagore và tam giác đồng dạng để đo khoảng cách những điểm không tới được |
| 68 | Thực hiện tính toán trên phân thức đại số và vẽ đồ thị với phần mềm GeoGebra | - Sử dụng phần mềm GeoGbra để tính toán các phép tính trên phân thức đại số, giải phương trinh bậc nhất một ẩn và vễ đồ thị của hàm số bậc nhất |
| 35 | 69 | **Ôn tập học kì 2(t3) – (HH)** | Ôn tập các kiến thức đã học | 35 | 69 | Mô tả thí nghiệm ngẫu nhiên với phần mềm Excel | - Mô tả thí nghiệm ngẫu nhiên với phần mềm bảng tính Excel, sử dụng một số hàm cơ bản và tính xác suất thực nghiệm của biến cố để có thể thấy rằng khi số lần thực hiện thí nghiệm càng lớn thì sác xuất thực nghiệm cằng xấp xỉ tốt cho sác xuất |
| **70** | **Kiểm tra học kì 2** | Kiểm tra các kiến thức đã học | **70** | **Kiểm tra cuối kỳ 2.** | Kiểm tra các kiến thức đã học |

**DUYỆT CỦA BAN GIÁM HIỆU TỔ TRƯỞNG GIÁO VIÊN BỘ MÔN**



NGÔ THỊ KIM CHÂU DƯƠNG VŨ TƯỜNG VY